

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 43/TTr-SKHHCN ngày 23 tháng 5 năm 2016 về việc ban hành quyết định quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành quy định phân cấp quản lý và định mức kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban,



ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, P KTTH;
- Lưu: VT, nknguyen (02b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Phạm Vũ Hồng



QUY ĐỊNH

**Về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán và một số khung định mức xây dựng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; lập thẩm định, phê duyệt và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng định mức xây dựng và phân bổ dự toán

1. Các định mức xây dựng dự toán tại Quy định này là định mức tối đa, áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Các định mức chi khác làm căn cứ lập dự toán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ không quy định cụ thể tại Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành.



Điều 3. Các loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp tỉnh và nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ) được quy định tại Điều 27 và 28 của Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ.

Điều 4. Chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ.

b) Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học.

c) Thành viên.

d) Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ.

2. Số lượng thành viên và ngày công tham gia đối với mỗi chức danh (Chủ nhiệm nhiệm vụ; thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học; thành viên) phụ thuộc vào nội dung thực hiện theo thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi tắt là Hội đồng khoa học) xem xét và cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt đảm bảo theo đúng các quy định của nhà nước.

3. Đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện theo Điều c, Khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

Chương II

CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO CẤU THÀNH DỰ TOÁN VÀ MỘT SỐ KHUNG ĐỊNH MỨC XÂY DỰNG DỰ TOÁN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 5. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Tiền công lao động trực tiếp, gồm: Tiền công cho các chức danh được quy định tại Khoản 1, Điều 4 của Quy định này; tiền công thuê chuyên gia trong nước và chuyên gia ngoài nước phối hợp trong quá trình nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không được thuê chuyên gia trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Chi mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu, gồm: Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng, năng lượng, tài liệu, tư liệu, số liệu, sách, báo, tạp chí tham khảo, quyền sử dụng sáng chế, thiết kế, phần mềm, bí quyết công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu.

3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định:

a) Chi mua tài sản thiết yếu, phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Chi thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu và phát triển công nghệ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

c) Chi khấu hao tài sản cố định (nếu có) trong thời gian trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo mức trích khấu hao quy định đối với tài sản của doanh nghiệp;

d) Chi sửa chữa trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chi hội thảo khoa học, công tác phí trong và ngoài nước phục vụ hoạt động nghiên cứu.

5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu.

6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu.

7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn phục vụ hoạt động nghiên cứu.

8. Chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).

9. Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm đảm bảo yêu cầu quản lý trong triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Chi khác có liên quan trực tiếp đến triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Khung định mức làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước

1. Dự toán tiền công lao động trực tiếp:

a) Cấu trúc thuyết minh phần tính tiền công lao động triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ bao gồm các công việc và dự kiến kết quả như sau:

| STT | Nội dung công việc | Dự kiến kết quả |
|-----|---|---|
| 1. | Nghiên cứu tổng quan | Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu |
| 2. | Đánh giá thực trạng | Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu |
| 3. | Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu | Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu |
| 4. | Nội dung nghiên cứu chuyên môn | Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn |
| 5. | Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu, hoàn thiện quy trình công nghệ | Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo nghiệm, chế tạo, sản xuất; quy trình công nghệ |
| 6. | Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác | Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác |
| 7. | Tổng kết, đánh giá | Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp |

Trong trường hợp cụ thể, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể không đầy đủ các phần nội dung theo cấu trúc trên.

b) Tiền công trực tiếp cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo ngày công lao động quy đổi (08 giờ/01 ngày; trường hợp có số giờ công lẻ, trên 04 giờ được tính 01 ngày công, dưới 04 giờ được tính ½ ngày công) và mức lương cơ sở do nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán.

c) Dự toán tiền công trực tiếp đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ không quá 20% tổng dự toán tiền công trực tiếp đối với các chức danh đã quy định tại Điểm a, b, c, Khoản 1, Điều 4 của Quy định này.

2. Định mức dự toán tiền công trực tiếp đối với từng chức danh:

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm xây dựng thuyết minh dự toán tiền công theo cấu trúc chung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi tiết theo từng chức danh tham gia thực hiện nội dung công việc, số ngày công tham gia của từng chức danh.

Dự toán tiền công trực tiếp của từng chức danh được tính như sau:

| | | | | | | |
|--|----------|---|----------|--|----------|--|
| Dự toán tiền công của chức danh | = | Lương cơ sở do nhà nước quy định | x | Hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh | x | Số ngày công của từng chức danh |
|--|----------|---|----------|--|----------|--|

Bảng hệ số tiền công ngày tính theo lương cơ sở của từng chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

| STT | Chức danh | Hệ số tiền công theo ngày | |
|-----|---|---------------------------|-----------|
| | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1. | Chủ nhiệm nhiệm vụ | 0,55 | 0,39 |
| 2. | Thành viên thực hiện chính; thư ký khoa học | 0,34 | 0,24 |
| 3. | Thành viên | 0,18 | 0,12 |
| 4. | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,11 | 0,08 |

3. Thuê chuyên gia trong nước và ngoài nước phối hợp nghiên cứu (đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh).

a) Thuê chuyên gia trong nước:

Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia trong nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Trường hợp thuê chuyên gia trong nước theo ngày công thì mức dự toán thuê chuyên gia trong nước không vượt quá 28.000.000 đồng/người/tháng (tháng làm việc tính trên cơ sở 22 ngày làm việc).

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước không quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

Trong trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có dự toán thuê chuyên gia trong nước vượt quá 28.000.000 đồng/người/tháng hoặc tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia trong nước vượt quá 30% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

b) Thuê chuyên gia ngoài nước:

Trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu thuê chuyên gia ngoài nước, tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho Hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định này. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm về nội dung và mức kinh phí thuê chuyên gia ngoài nước.

Trường hợp đặc biệt, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước vượt quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại Khoản 1, Điều 6 của Quy định này thì cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi phí mua vật tư, nguyên, nhiên, vật liệu được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan.

5. Dự toán chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định được xây dựng trên cơ sở thuyết minh dự kiến khối lượng công việc, chế độ, định mức hiện hành (nếu có) và các báo giá liên quan. Nội dung chi này có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định phù hợp với tiến độ của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; được quản lý theo quy định hiện

hành về sửa chữa, mua sắm tài sản hình thành có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

6. Dự toán chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu:

Nội dung và định mức chi hội thảo khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu được xây dựng và thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ngoài ra quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tối đa tham gia hội thảo khoa học như sau:

Đơn vị tính: Ngàn đồng.

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | |
|-----|--|---------------|---------------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1. | Người chủ trì | Buổi hội thảo | 1.050 | 750 |
| 2. | Thư ký hội thảo | Buổi hội thảo | 350 | 250 |
| 3. | Báo cáo viên trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 1.400 | 1.000 |
| 4. | Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo | Báo cáo | 700 | 500 |
| 5. | Thành viên tham gia hội thảo | Buổi hội thảo | 140 | 100 |

7. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.

8. Dự toán chi họp Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên Hội đồng với mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 8 của Quy định này.

9. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học

và công nghệ, bao gồm: Chi điện, nước, các khoản chi hành chính phát sinh liên quan đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì; chi tiền lương, tiền công phân bổ đối với các hoạt động gián tiếp trong quá trình quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của tổ chức chủ trì.

b) Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 140.000.000 đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và 98.000.000 đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

10. Các khoản chi khác được vận dụng theo các quy định quản lý hiện hành của pháp luật.

Điều 7. Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn

a) Chi tiền công thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ của thành viên các hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ (Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ);

b) Chi tiền công phục vụ họp Hội đồng;

c) Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia công tác tư vấn (nếu có);

d) Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc phục vụ Hội đồng;

đ) Chi thuê dịch vụ khoa học và công nghệ liên quan đến việc đánh giá của Hội đồng; thuê cơ sở vật chất phục vụ Hội đồng (nếu có);

2. Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông.

4. Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, bao gồm:

a) Chi công tác phí cho đoàn kiểm tra;

b) Chi họp Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết cần có Hội đồng đánh giá giữa kỳ).

5. Chi công tác phí của các chuyên gia được mời tham gia Tổ thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ.

6. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 8. Một số định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng:

a) Chi tiền công:

DVT: Ngàn đồng.

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | |
|-----------|---|----------------------------|---------------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| 1. | Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a) | Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a.1) | - Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng) | Hội đồng | 800 | 640 |
| a.2) | - Phó Chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng | | 640 | 500 |
| a.3) | - Thư ký hành chính | | 240 | 200 |
| a.4) | - Đại biểu được mời tham dự | | 160 | 130 |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |
| b.1) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 01 phiếu nhận xét đánh giá | 240 | 200 |
| b.2) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | | 400 | 320 |
| 2. | Chi tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a) | Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a.1) | - Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng) | Hội đồng | 1.200 | 950 |
| a.2) | - Phó Chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng | | 800 | 640 |

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Khung định mức chi tối đa | |
|-----------|--|-------------------|---------------------------|-----------|
| | | | Cấp tỉnh | Cấp cơ sở |
| a.3) | - Thư ký hành chính | | 240 | 200 |
| a.4) | - Đại biểu được mời tham dự | | 160 | 130 |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |
| b.1) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 01 phiếu nhận xét | 400 | 320 |
| b.2) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | đánh giá | 550 | 450 |
| 3. | Chi thẩm định nội dung, tài chính của nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a) | - Tổ trưởng tổ thẩm định | | 560 | 450 |
| b) | - Thành viên tổ thẩm định | | 400 | 320 |
| c) | - Thư ký hành chính | Nhiệm vụ | 240 | 200 |
| d) | - Đại biểu được mời tham dự | | 160 | 130 |
| 4. | Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ | | | |
| a) | Chi họp Hội đồng nghiệm thu | | | |
| a.1) | - Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng) | | 1.200 | 950 |
| a.2) | - Phó Chủ tịch Hội đồng; Thành viên Hội đồng | Nhiệm vụ | 800 | 640 |
| a.3) | - Thư ký hành chính | | 240 | 200 |
| a.4) | - Đại biểu được mời tham dự | | 160 | 130 |
| b) | Chi nhận xét đánh giá | | | |
| b.1) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng | 01 phiếu nhận xét | 400 | 320 |
| b.2) | - Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng | đánh giá | 550 | 450 |

b) Các nội dung chi khác được xây dựng dự toán trên cơ sở dự kiến khối lượng công việc và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập:

a) Trường hợp cần thiết (khi các Hội đồng tư vấn khoa học có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ; hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thấy cần thiết), các Hội đồng hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có thể thuê chuyên gia tư vấn, đánh giá độc lập.

b) Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công họp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

3. Chi thông báo tuyển chọn trên các phương tiện truyền thông (báo giấy, báo hình, báo điện tử và các phương tiện truyền thông khác): Xây dựng dự toán trên cơ sở báo giá của các cơ quan truyền thông lựa chọn đăng tin.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ.

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá giữa kỳ được xây dựng theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá giữa kỳ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá giữa kỳ) được áp dụng tối đa bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu theo quy định này.

Chương III

LẬP, THẨM TRA, PHÊ DUYỆT VÀ QUYẾT TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 9. Lập dự toán kinh phí đối với các hoạt động phục vụ công tác quản lý nhà nước của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Vào thời điểm dự toán chi ngân sách hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào kế hoạch xác định, tuyển chọn, xét giao trực tiếp các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm; kế hoạch kiểm tra, đánh giá giữa kỳ (nếu có), đánh giá nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong năm và khung định mức chi tại quy định này để xây dựng dự toán và tổng hợp vào dự toán chi của đơn vị mình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Lập dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Căn cứ:

a) Mục tiêu, yêu cầu, nội dung và khối lượng công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành chức năng hoặc tỉnh ban hành, định mức làm căn cứ xây dựng dự toán tại quy định này và các chế độ, chính sách hiện hành của nhà nước. Trường hợp không có định mức kinh tế-kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể chi tiết căn cứ lập dự toán.

2. Yêu cầu:

a) Dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xây dựng và thuyết minh theo từng nội dung nghiên cứu và gắn với các kết quả, sản phẩm cụ thể của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 11. Thẩm định, phê duyệt, giao dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng chế độ quy định. Trường hợp các nội dung chi không có định mức kinh tế - kỹ thuật của các bộ, ngành chức năng hoặc tỉnh ban hành thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quyết định các nội dung chi cần thiết và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật.

2. Căn cứ vào dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ của tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao, cơ quan có thẩm quyền thực hiện giao dự toán cho các đơn vị thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 12. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Việc quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 13. Công bố kết quả nghiên cứu và chi đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích

Nội dung chi công bố kết quả nghiên cứu (đã được công bố) và chi đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (đã được cấp bằng) được thực hiện theo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**


Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính có trách nhiệm triển khai hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

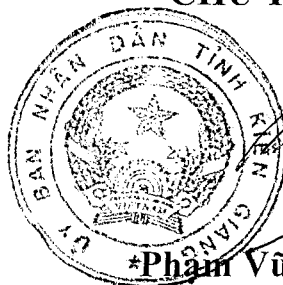
2. Đối với các nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí và đang thực hiện trước ngày Quy định này ban hành, thì tiếp tục thực hiện theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ.

Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, Bộ, ngành triển khai trên địa bàn tỉnh Kiên Giang có sử dụng kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh thì mức chi áp dụng theo Quy định này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các tổ chức cá nhân phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



***Phạm Vũ Hồng**